Mẫu số 01, Nghị định 15/2018/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/VISACO/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN VISACO

Địa chỉ trụ sở: Khu C, Khu công nghiệp Lê Môn, xã Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Địa chỉ sản xuất: Khu C, Khu công nghiệp Lê Môn, xã Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 02373.950.744 Fax: 02373.951.013

E-mail: visaco68@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2800115370, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 11/7/2016

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Điểm k Điều 12 Nghị định số: 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: MUỐI ĂN VISACO

2. Thành phần: Muối biển tự nhiên (≥ 97%), Kali Iodat - KIO_3 (20-40 mg/kg).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất in trên bao bì.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên bao bì.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

***Hướng dẫn sử dụng*:** Dùng để chế biến thực phẩm, dùng làm gia vị chế biến thức ăn.

***Bảo quản*:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

***5.1. Chất liệu bao bì*:** Bao bì sử dụng để bao gói sản phẩm được làm từ chất liệu BOPP hoặc PE, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

***5.2. Quy cách đóng gói*:** Sản phẩm được đóng gói trong các túi có khối lượng tịnh: 200g/túi, 250g/túi, 400g/túi, 450g/túi, 500g/túi.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(có mẫu nhãn sản phẩm đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.1. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, QCVN 9-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối Iod.

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng Asen (As), mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Chì (Pb), mg/kg	2,0
3	Hàm lượng Cadimi (Cd), mg/kg	0,5
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg), mg/kg	0,1
5	Hàm lượng Đồng (Cu), mg/kg	2,0

4.2. Các chỉ tiêu khác: theo QCVN 9-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối Iod.

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa
1	Hàm lượng NaCl, tính theo % khối lượng chất khô	≥ 97
2	Hàm lượng Iod, mg/kg	20-40
3	Hàm lượng chất không tan trong nước, tính theo % khối lượng chất khô	≤ 0,3

4.3. Một số chỉ tiêu do nhà sản xuất tự công bố

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa/yêu cầu
1	Màu sắc	Trắng trong hoặc trắng
2	Mùi vị	Không mùi, dung dịch muối 5% có vị mặn thuần khiết, không có vị lạ
3	Trạng thái	Khô rời, không vón cục
4	Hàm lượng SO_4^{2-} (Sunphat), tính theo % khối lượng	≤ 1,2
5	Hàm lượng Mg^{2+} (Magie), tính theo % khối lượng	≤ 0,6
6	Hàm lượng Ca^{2+} (Canxi), tính theo % khối lượng	≤ 0,4
7	Độ ẩm, tính theo % khối lượng	≤ 3,0
8	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không có

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VIASCO

M.S.D.N: 2800175370 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN VISACO - TP. THANH HÓA - T. THANH HÓA

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tác Lư

CÔNG TY CỔ PHẦN VISACO

Địa chỉ: Khu C, Khu công nghiệp Lê Môn, xã Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

MẪU NHÃN SẢN PHẨM

MUỐI ĂN VISACO

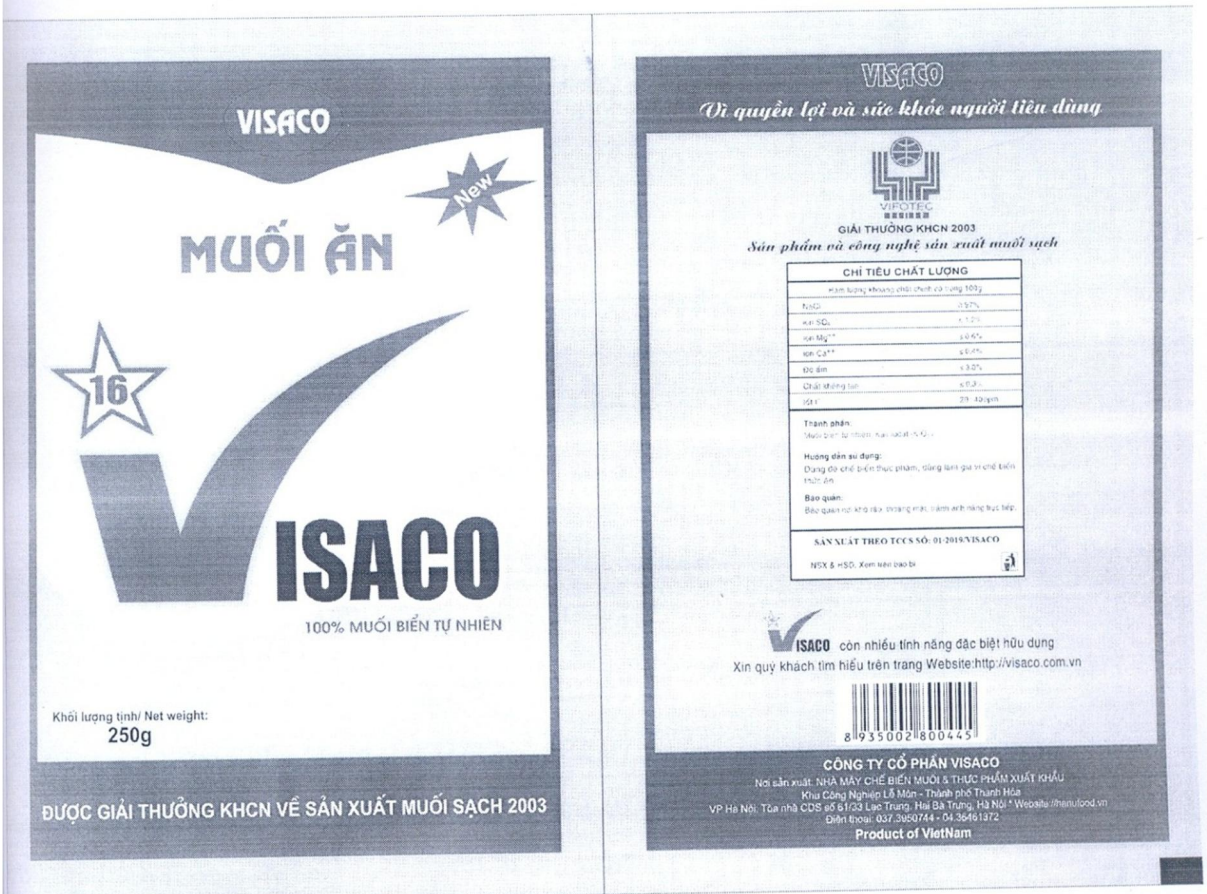

CÔNG TY CỔ PHẦN VISACO

M.S.D.N: 2800175370-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VISACO
T.P THANH HOÁ T.THANH HOÁ

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tác Lư

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
Thanh Hoa Branch of Standardisation - Metrology and Quality
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Thanh Hoa Technical service Centrer for Standards and Quality
Địa chỉ: Đường tránh, quốc lộ 1A, xã Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hoá Add: Highway 1A, Quang Thinh commune, thanh Hóa city
Tel: (037) 3712264 - 3720704 Fax: (037) 3712264 E-mail: tcdlcl.th@hn.vnn.vn

VILAS 142

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^O): 66 - TNH(S)/2019

Tên mẫu thử: **MUỐI ĂN VISACO**
(Object):

Ký hiệu: **MG** **Số lượng: 01 mẫu.**
(Notation): *(Number of)*

Khách hàng : **Công ty cổ phần Visaco.**
(Customer name):

Cơ sở: **Lô C Khu công nghiệp Lê Môn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa**
(Establishments):

Ngày nhận mẫu: **15/01/2019**
(date of receipt):

TT *Oder* (1)	Tên chỉ tiêu *Items* (2)	Phương pháp thử *Test method* (3)	Đơn vị tính *Unit* (4)	Kết quả thử *Results* (5)
				M1
1	Hàm lượng NaCl tính theo chất khô	TCVN 3973-84	%	98,70
2	Độ ẩm	TCVN 3973-84	%	0,15
3	Hàm lượng Ca^{+2} tính theo chất khô	TCVN 3973-84	%	0,026
4	Hàm lượng SO_4^{-2} tính theo chất khô	TCVN 3973-84	%	0,041
5	Hàm lượng Mg^{+2} tính theo chất khô	TCVN 3973-84	%	0,032
6	Hàm lượng Asen	TCVN 7601-07	mg/kg	KPH
7	Hàm lượng Pb	TCVN 7602-07	mg/kg	KPH
8	Hàm lượng Cd	TCVN 7603-07	mg/kg	KPH
9	Hàm lượng Hg	TCVN 7604-07	mg/kg	KPH
10	Hàm lượng Cu	TCVN 6193-96	mg/kg	KPH
11	Hàm lượng Iod	TCVN 9699-13	mg/kg	31,2
12	Hàm lượng tạp chất không tan trong nước tính theo chất khô	TCVN 3973-84	%	0,01

Cảm quan: - Màu sắc: Màu trắng. – Mùi: Không mùi.

-Vị: Dung dịch muối 5% có vị mặn , thuần khiết, không vị lạ.

- Trạng thái: Khô rời, không vón cục

- Tạp chất nhìn bằng mắt thường: Không có

Ghi chú: -KPH: Không phát hiện.

VIMCERT 170

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2019

THỬ NGHIỆM VIÊN *Tester*	TỔ TRƯỞNG *Team Leader*	GIÁM ĐỐC *Director*
Nguyễn Thị Hảo	Lê Thị Lan Anh	Nguyễn Mạnh Hợp

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở do khách hàng cung cấp.